

## **BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH THỦY SẢN 11T 2012**

### **I. Tổng quan ngành thủy sản:**

Việt Nam khá thuận lợi cho sự phát triển ngành thủy sản với đường bờ biển kéo dài 3,200 km, có vùng đặc quyền trên biển rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup> và vùng mặt nước nội địa rộng 1.4 triệu ha tạo điều kiện cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy sản cung cấp nguyên liệu dồi dào cho ngành chế biến thủy sản xuất khẩu. Trong những năm qua ngành thủy sản nước ta đã khẳng định được lợi thế và vị trí của mình trong nền kinh tế quốc dân, hằng năm đem về cho đất nước một nguồn ngoại tệ lớn phục vụ tái đầu tư thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Giai đoạn 2000 – 2011, đóng góp của thủy sản vào GDP chung toàn quốc khoảng 3.1% - 3.7% (giá trị thực tế).

### **Quá trình phát triển của ngành có thể phân chia thành 3 giai đoạn chính :**

**Giai đoạn 1954 - 1960 :** Kinh tế thủy sản bắt đầu được chăm lo phát triển như một ngành kinh tế kỹ thuật. Đây là thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc. Trong thời kỳ này, với sự giúp đỡ của các nước XHCN, các tổ chức nghề cá công nghiệp như các tập đoàn đánh cá với đoàn tàu đánh cá Hạ Long, Việt - Đức, Việt - Trung, nhà máy cá hộp Hạ Long được hình thành. Đặc biệt, phong trào hợp tác hoá được triển khai rộng khắp trong nghề cá.

**Giai đoạn 1960 - 1980 :** Những năm 1960 - 1975, đánh dấu bằng việc thành lập Tổng cục Thủy sản năm 1960. Đây là thời điểm ra đời của ngành Thủy sản Việt Nam như một chính thể ngành kinh tế kỹ thuật của đất nước. Tuy nhiên do hậu quả nặng nề của chiến tranh, nền kinh tế đất nước đang trong giai đoạn phục hồi. Mặt khác, cơ chế quản lý lúc này chưa phù hợp, tiêu thụ theo cách giao nộp sản phẩm, đánh giá kết quả theo khối lượng hàng hoá, không chú trọng giá trị sản phẩm. Điều này đã làm giảm động lực thúc đẩy sản xuất thủy sản, kinh tế thủy sản sa sút nghiêm trọng.

**Giai đoạn 1981 đến nay :** Năm 1981, trước những khó khăn, thách thức sau thời kỳ sa sút, với sự ra đời của Công ty xuất nhập khẩu thủy sản (Seaprdex Việt Nam), được Nhà nước cho phép áp dụng thử nghiệm cơ chế “tự cân đối, tự trang trải”, mà thực chất là chú trọng nâng cao giá trị của sản phẩm làm ra nhằm tạo nguồn đầu tư để tái sản xuất mở rộng, đã tạo nguồn động lực mới cho sự phát triển. Ngành thủy sản có thể được coi là một ngành đi tiên phong trong quá trình đổi mới, chuyển hướng sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta.

Đến nay, Việt Nam đã trở thành quốc gia sản xuất và xuất khẩu hàng đầu khu vực, đứng vị trí thứ 5 về xuất khẩu thủy sản trên thế giới, đứng thứ 3 về sản lượng nuôi trồng thủy sản, và đứng thứ 13 về sản lượng khai thác thủy sản.

### **II. Đặc điểm ngành:**

#### **1. Thực trạng xuất khẩu 11 tháng năm 2012:**

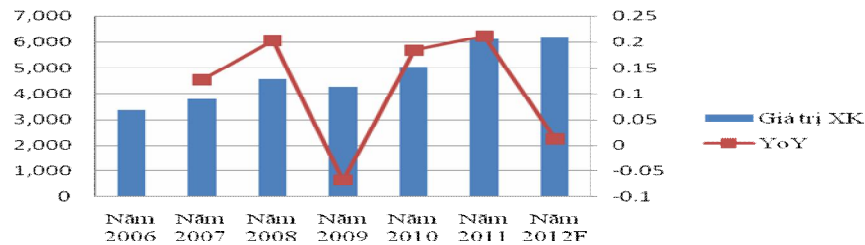
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 11 là 514 triệu USD nâng tổng giá trị xuất khẩu 11 tháng lên 5.59 tỷ USD, tăng 1.2% so với cùng kỳ năm 2011.

So với mọi năm, kim ngạch xuất khẩu năm nay tăng khá chậm, Vasep dự báo kim ngạch thủy sản xuất khẩu năm nay chỉ đạt khoảng 6.18 tỷ USD tăng gần 1% so với năm 2011, thấp hơn kế hoạch đầu năm ( 6.5 tỷ USD).

Năm 2012, có thể nói là 1 năm đầy khó khăn của thủy sản Việt Nam, doanh nghiệp thì thiếu vốn sản xuất, chi phí đầu vào tăng cao, trong khi đầu ra cho sản phẩm lại sụt giảm (chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu), các lô hàng của Việt Nam xuất khẩu tiếp tục bị cảnh báo chất lượng ở những thị trường quen thuộc. 10 tháng đầu năm, Việt Nam bị cảnh báo 275 lô hàng từ Nhật, Mỹ, EU. Trong đó thị trường EU tăng 4 lần, Mỹ tăng 2.25 lần số lô hàng bị cảnh báo.



**kim ngạch thủy sản xuất khẩu qua các năm  
(triệu USD)**



Nguồn: PNS tổng hợp

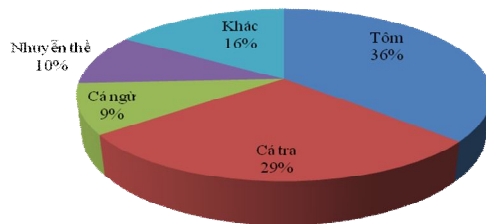
## 2. Sản phẩm:

### Tôm và Cá tra vẫn là hai mặt hàng chủ lực:

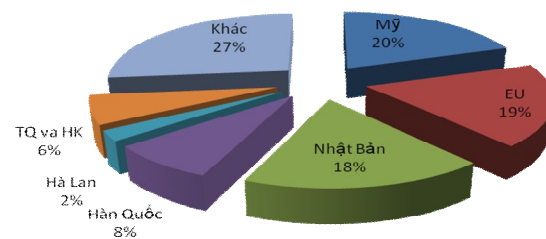
Xuất khẩu tôm và cá tra 11 Tháng đầu năm 2012 chiếm đến 65% tổng kim ngạch. Ngoài ra, các sản phẩm chế biến từ cá ngừ, mực, bạch tuộc,... đem lại giá trị xuất khẩu không nhỏ cho thủy sản Việt Nam.

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm 19.82% thị phần, tiếp theo là EU (18.63%), Nhật Bản (17.84%) và Hàn Quốc (8.14%).

**Cơ cấu sản phẩm 11 tháng năm 2012**



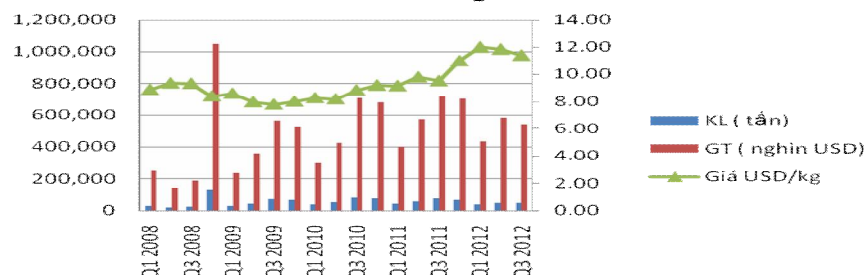
**Thị trường xuất khẩu 11T 2012**



Nguồn: Vasep

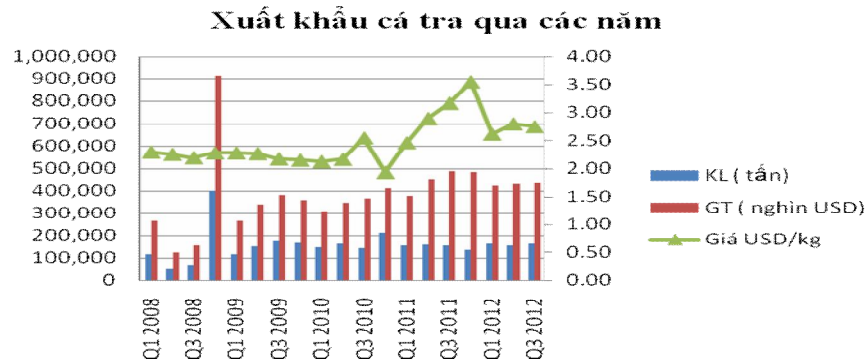
Mặc hàng tôm dẫn đầu với 36.4% tổng kim ngạch. Năm 2012, xuất khẩu tôm gặp khá nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh. Tính đến 15/11/2012, XK tôm Việt Nam sang các thị trường đạt 1.95 tỷ USD giảm 4.8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong nhóm 10 thị trường chính NK tôm Việt Nam, thị trường Mỹ giảm 16.1%, EU giảm 25.2%, Canada giảm 13.8%, Thụy Sĩ giảm 10.4% và ASEAN giảm 21.5%. Thị trường Nhật tuy vẫn tăng trưởng so với năm 2011, nhưng Việt Nam lại bị kiểm tra Ethoxyqin mức dư lượng 0.01 ppm và kiểm tra 100% các lô hàng tôm xuất sang nước Nhật. Vì vậy, kim ngạch xuất khẩu kế hoạch 2.4 tỷ USD chắc chắn sẽ không thực hiện được. Dự kiến XK tôm của Việt Nam năm 2012 sẽ đạt 2.2 tỷ USD, giảm 8.3% so với năm 2011.

**Xuất khẩu tôm qua các năm**



Nguồn: PNS tổng hợp

Đối với mặt hàng cá tra, những khó khăn tiếp diễn từ quý II/2012 như giá cá tra liên tục giảm sút, người nuôi “bỏ nghề, treo ao”, thiếu vốn và nguyên liệu cho sản xuất và chế biến xuất khẩu, nhu cầu tại thị trường chủ lực EU giảm sút... khiến cho giá trị xuất khẩu cá tra của nước ta tính đến ngày 15/11/2012 đạt 1.52 tỷ USD giảm 1.7% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự kiến, kim ngạch xuất khẩu cả năm 2012 của cá tra sẽ khoảng 1.8 tỷ USD tương đương năm ngoái.

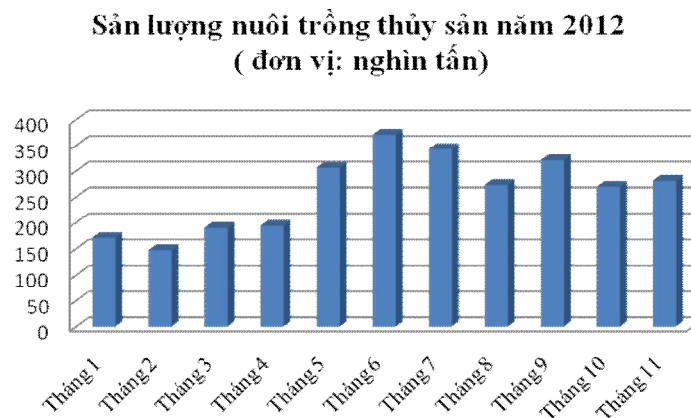


Nguồn: PNS tổng hợp

### 3. Nguyên liệu:

Theo thông tin từ Bộ NN&PTNT, tình hình đánh bắt và nuôi trồng thủy sản vẫn duy trì được đà tăng trưởng khá, tổng sản lượng thủy sản 11 tháng ước đạt 5,333 ngàn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

**Nuôi trồng thủy sản:** tháng 11 ước đạt 282.7 ngàn tấn, đưa sản lượng nuôi trồng thủy sản 11 tháng đạt 2,881 ngàn tấn, tăng 5.4 % so với cùng kỳ năm 2011. Đồng bằng sông Cửu Long vẫn luôn là vùng có sản lượng cao nhất cả nước, chiếm hơn 60% sản lượng thủy sản nuôi trồng của cả nước. Trong đó, Đồng Tháp là tỉnh có sản lượng cao nhất vùng ước 11 tháng đầu năm đạt 376.9 ngàn tấn; các tỉnh khác có sản lượng cũng khá cao như Cà Mau 257.8 ngàn tấn, Bến Tre 208.1 ngàn tấn, Cần Thơ 148.9 ngàn tấn...

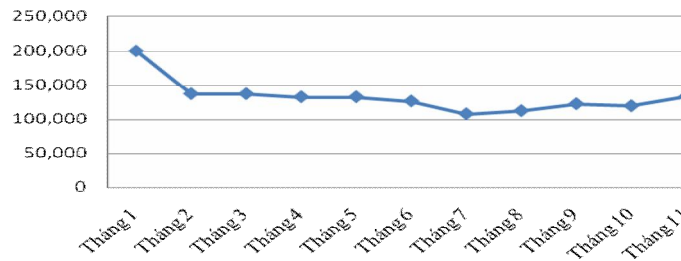


Nguồn: Gso.vn

Diện tích nuôi tôm 11 tháng năm 2012 không tăng nhiều so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 663,314 ha, bằng 101.2% so với cùng kỳ năm 2011 trong đó, diện tích nuôi tôm sú là 623,156 ha, tôm chân trắng là 40,158 ha. Sản lượng tôm thu hoạch là 341,940 tấn, bằng 101.1% so với cùng kỳ năm 2011. Do nhu cầu cuối năm về tôm nguyên liệu tăng cao, trong khi sản lượng thu hoạch lại giảm nên giá tôm nguyên liệu tăng mạnh.



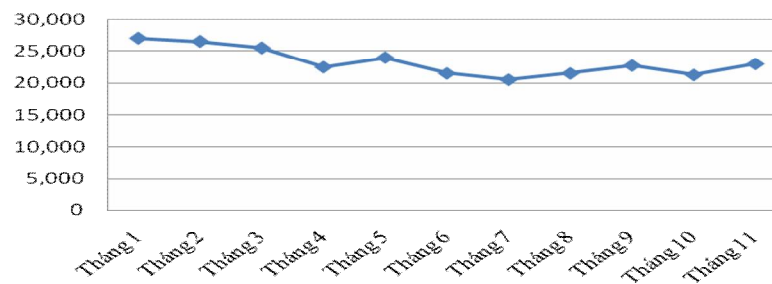
**Giá tôm sú tại tỉnh Cà Mau loại 40 con/kg  
(đồng/kg)**



Nguồn: PNS tổng hợp

Về cá tra, diện tích nuôi cá tra hiện đạt 5.47 nghìn ha, bằng 112.4% so với cùng kỳ năm 2011. Sản lượng cá tra thu hoạch 11 tháng là 1.071 triệu tấn, bằng 103.8% so với cùng kỳ năm 2011, năng suất bình quân đạt 279 tấn/ha. Giá cá tra nguyên liệu sau khi giảm mạnh xuống mức thấp 21,000 đồng/kg, thời gian gần đây giá cá tra đã tăng trở lại, khoảng 23,000 – 23,500đ/kg. Giá cá tra tăng chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này ở nhiều nước trên thế giới tăng để chuẩn bị đón Noel và năm mới.

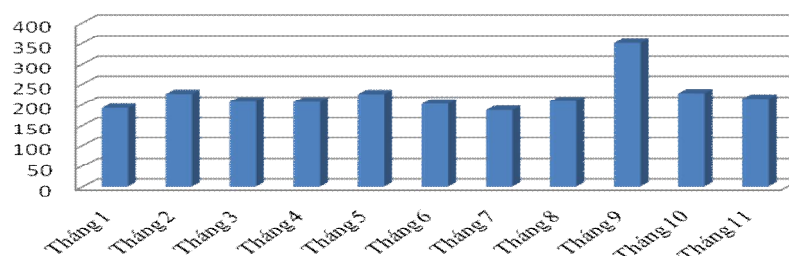
**Giá cá tra tại tỉnh Đồng Tháp (đồng/kg)**



Nguồn: PNS tổng hợp

**Khai thác:** Thời tiết năm nay tương đối thuận lợi cho đánh bắt thủy hải sản, cụ thể, sản lượng thủy sản khai thác 11 tháng đầu năm ước tính đạt 2,452 ngàn tấn, tăng 4.6% so với cùng kỳ năm 2011, trong đó, khai thác biển ước đạt 2,276 ngàn tấn, tăng 4.7% so với cùng kỳ. Sản lượng đánh bắt ba tỉnh trọng điểm miền Trung: tỉnh Bình Định tổng sản lượng khai thác thủy sản 11 tháng ước đạt 145,350 tấn, trong đó cá ngừ đại dương đạt 9,055 tấn, tăng 114.6 % so cùng kỳ; tỉnh Phú Yên đạt tổng sản lượng khai thác thủy sản 11 tháng ước đạt 46,900 tấn, trong đó cá ngừ đạt khoảng 6,050 tấn; tỉnh Khánh Hòa tổng sản lượng khai thác thủy sản 11 tháng ước đạt 78,019 tấn, trong đó cá ngừ đạt khoảng 4,000 tấn.

**Sản lượng khai thác thủy sản năm 2012  
(đơn vị: nghìn tấn)**



Nguồn: Gso.vn

#### **4. Các yếu tố ảnh hưởng:**

##### **Cầu sản phẩm:**

Phần lớn doanh thu ngành thủy sản đem lại là do xuất khẩu. Vì vậy, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại các thị trường chính như EU và Mỹ sụt giảm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kim ngạch xuất khẩu nước ta.

##### **Rủi ro nguyên liệu đầu vào:**

Việt Nam là một trong năm nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu và ngành thủy sản chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Bên cạnh đó, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản nước ta đều phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu cung cấp từ các hộ nuôi trồng thủy sản, rất ít các doanh nghiệp chủ động được nguồn nguyên liệu chế biến. Vì vậy, khi tình trạng thiếu nguyên liệu xảy ra ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của công ty. Hiện có khoảng 15- 30% diện tích ao nuôi cá tra của DN bị “treo”. Một số DN thiếu nguyên liệu cục bộ do không đủ nguồn cá có đúng kích cỡ như hợp đồng đã ký.

##### **Tỷ giá:**

Thủy sản Việt Nam chủ yếu 90% giá trị thu nhập bằng USD. Tỷ giá biến động ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của ngành. Trong thời gian gần đây, đồng Việt Nam tăng giá so với đồng USD rất bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

##### **Rào cản thương mại và kỹ thuật:**

Hàng rào thuế quan, cùng với những quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm gây khó khăn nhiều cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Nếu Việt Nam không nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về dư lượng thuốc kích thích, kháng sinh... sẽ đánh mất nhiều thị trường tiềm năng.

#### **5. Triển vọng phát triển ngành thủy sản Việt Nam.**

Năm 2013, tiếp tục sẽ là năm khó khăn đối với ngành thủy sản. Những vấn đề lớn ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu năm 2012 vẫn chưa được giải quyết triệt để vì vậy năm 2013 tiếp tục bởi ảnh hưởng:

##### **Có khả năng giảm kim ngạch ở các thị trường chính:**

Kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường chính như Châu Âu, Mỹ nhiều khả năng sẽ tiếp tục giảm sút vì nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng. Theo Vasep, sẽ giảm 12% -15% so với năm 2012.

##### **Thiếu hụt nguồn nguyên liệu:**

Có thể nói đây là vấn đề cấp bách nhất hiện nay, đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan và các cấp ban ngành. Khi nào vấn đề nuôi trồng thủy sản chưa được quy hoạch đồng bộ và phát triển một cách tự phát như hiện nay thì thiếu hụt nguồn nguyên liệu xuất khẩu sẽ vẫn là vấn đề nan giải cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Vasep dự báo trong năm 2013, Việt Nam sẽ phải nhập khẩu nguyên liệu thủy sản phục vụ cho sản xuất nhiều hơn, tăng 30% so với năm 2012 với kim ngạch đạt trung bình 65 - 70 triệu USD/tháng.

##### **Rào cản thương mại và kỹ thuật:**

Rào cản thương mại và kỹ thuật ở Mỹ, Eu và thị trường Nhật đều tăng lên trong năm 2012. Đặc biệt là thị trường Nhật rất khắc khe trong kiểm định hàm lượng chất kháng sinh, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm cần có những giải pháp thích hợp (kiểm soát tốt dư lượng kháng sinh trong sản phẩm khi xuất vào thị trường Nhật), giảm thiểu tối đa những thiệt hại do các lô sản phẩm bị trả lại, đồng thời giảm rủi ro nguy cơ mất thị trường chính xuất khẩu tôm đầy tiềm năng này.

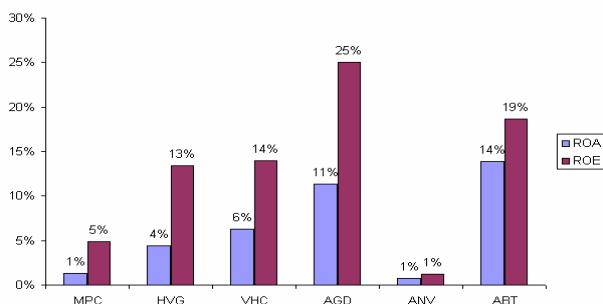
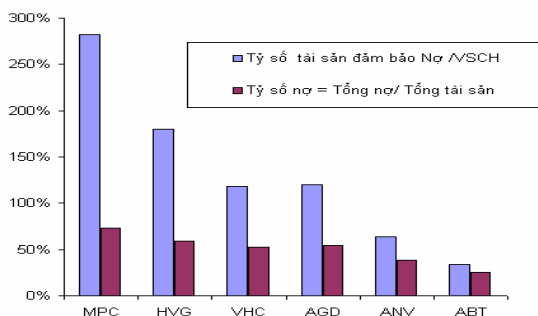
### **III. Cổ phiếu khuyến nghị:**





**NHÓM CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NĂM 2011**

| Tỷ số khả năng thanh toán nhanh (lần)  | MPC       | HVG       | VHC       | AGD     | ANV       | ABT     | TB NGÀNH  |
|--|-----------|-----------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|
| Tỷ số thanh toán hiện thời (lần)       | 1.22      | 1.32      | 1.42      | 1.12    | 1.48      | 3.10    | 1.27      |
| Tỷ số thanh toán nhanh (lần)           | 0.38      | 0.82      | 0.82      | 0.29    | 0.64      | 2.16    | 0.58      |
| <b>Tỷ số cơ cấu tài chính (%)</b>      |           |           |           |         |           |         |           |
| Tỷ số tài sản đảm bảo Nợ /VSCB         | 282%      | 180%      | 118%      | 120%    | 64%       | 34%     | 175%      |
| Tỷ số nợ = Tổng nợ/ Tổng tài sản       | 73%       | 59%       | 53%       | 55%     | 38%       | 25%     | 60%       |
| <b>Tỷ số hoạt động</b>                 |           |           |           |         |           |         |           |
| Vòng quay hàng tồn kho (vòng)          | 1.7       | 2.4       | 2.8       | 1.3     | 1.6       | 3.3     | 2.07      |
| Vòng quay các khoản phải thu (vòng)    | 9.6       | 2.3       | 4.9       | 8.8     | 2.5       | 5.9     | 6.41      |
| Vòng quay các khoản phải trả (vòng)    | 16.8      | 6.2       | 8.2       | 11.8    | 9.0       | 11.1    | 10.76     |
| <b>Tỷ số khả năng sinh lời (%)</b>     |           |           |           |         |           |         |           |
| Tỷ lệ lãi gộp                          | 13%       | 15%       | 14%       | 26%     | 12%       | 20%     | 17%       |
| ROA (Doanh lợi tài sản)                | 1%        | 4%        | 6%        | 11%     | 1%        | 14%     | 6%        |
| ROE (Doanh lợi Vốn CSH)                | 5%        | 13%       | 14%       | 25%     | 1%        | 19%     | 14%       |
| <b>Tỷ số giá trị trường</b>            |           |           |           |         |           |         |           |
| BV (đồng)                              | 23,754    | 35,421    | 29,920    | 29,040  | 22,138    | 29,368  | 29,534    |
| EPS (đồng)                             | 1,113     | 3,793     | 3,956     | 7,274   | 257       | 5,470   | 4,034     |
| P (20/12/2012)                         | 31,000    | 21,700    | 27,300    | 61,000  | 8,800     | 38,000  | 35,250    |
| P/E                                    | 28        | 6         | 7         | 8       | 34        | 7       | 12        |
| E/P (%)                                | 4%        | 17%       | 14%       | 12%     | 3%        | 14%     | 12%       |
| Giá trị nội tại                        | 104,664   | 87,329    | 79,681    | 116,136 | 41,097    | 67,140  | 96,952    |
| <b>Chỉ tiêu doanh thu (triệu đồng)</b> |           |           |           |         |           |         |           |
| Doanh thu thuần                        | 5,715,146 | 5,709,779 | 3,097,086 | 649,750 | 1,313,912 | 532,965 | 3,792,940 |
| Lợi nhuận sau thuế                     | 77,908    | 300,365   | 186,525   | 87,287  | 16,963    | 74,427  | 163,021   |
| Tổng tài sản                           | 6,134,255 | 6,844,984 | 2,988,067 | 767,943 | 2,359,854 | 535,533 | 4,183,812 |
| Vốn điều lệ                            | 700,000   | 791,977   | 471,512   | 119,999 | 660,000   | 136,072 | 520,872   |
| <b>Chỉ tiêu chi phí (triệu đồng)</b>   |           |           |           |         |           |         |           |
| Chi phí bán hàng                       | 281,443   | 313,819   | 152,004   | 51,782  | 71,259    | 27,185  | 199,762   |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp           | 81,880    | 76,670    | 52,589    | 14,384  | 31,959    | 7,053   | 56,381    |



Về khả năng thanh toán nhanh, các công ty đều không đảm bảo được khả năng thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 ngoại trừ ABT đạt 2.16 lần, cho thấy lượng hàng tồn kho ngành thủy sản là khá cao, đầu ra sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn, doanh nghiệp thủy sản bị ứng động hàng tồn kho, vì vậy khó đáp ứng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn.

Tỷ lệ nợ trung bình của ngành thủy sản khá cao 60%. Với diễn biến lãi suất trong vài năm gần đây, chi phí lãi vay là một trong những áp lực khá lớn đối với các doanh nghiệp thủy sản. Chúng tôi hy vọng trong thời gian tới, lãi suất cho vay giảm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp xúc với nguồn vốn giá rẻ. MPC có tỷ lệ nợ khá cao chiếm 282% trên VCSH, cao nhất trong top 6 doanh nghiệp, ANV và ABT có tỷ lệ nợ tương đối có thể chấp nhận được trong giai đoạn hiện nay.

Về tỷ số hoạt động, nhìn chung các công ty đều xoay quanh trung bình ngành, không chênh lệch nhiều. Vòng quay hàng tồn kho cao nhất là ABT tiếp đến VHC và HVG, chứng tỏ các doanh nghiệp này có tốc độ luân chuyển hàng tồn kho khá tốt so với các doanh nghiệp trong ngành. Vòng quay khoảng phải thu của MPC và AGD là cao nhất thể hiện tốc độ thu hồi nợ nhanh. Về khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp, MPC và AGD là cao nhất.

AGD và ABT tiếp tục là 2 công ty có ROA và ROE cao nhất trong top. Với tình hình kinh tế hiện nay, rất ít công ty trên sàn có ROE 9 tháng trên 15%, như vậy hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu của 2 doanh nghiệp này khá hiệu quả.

P/E trung bình của ngành thủy sản là 12x, chứng tỏ ngành này rất được quan tâm trên sàn giao dịch, những mã chứng khoán thấp hơn P/E ngành và có tỷ suất E/P cao hơn lãi tiền gửi kỳ hạn 1 năm ( 11%) là HVG, VHC, AGD, ABT.

Qua quá trình phân tích các chỉ số tài chính, chúng tôi nhận thấy mã chứng khoán ABT xứng đáng được nhà đầu tư quan tâm khi có nhu cầu đầu tư vào ngành thủy sản. Tuy nhiên thanh khoản khá thấp KLGD TB 10 phiên 2,259 cp, vì vậy mã này chỉ thích hợp đầu tư trung và dài hạn.

**KHUYẾN CÁO:**

Nội dung báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS) cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy, nhưng PNS không đảm bảo tuyệt đối độ chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng báo cáo này.

Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào mua hay bán và nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS). Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của PNS. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

**PNS RESEARCH**

|                       |                       |  |
|-----------------------|-----------------------|--|
| Trưởng phòng          | : Tô Bình Quyền       | quyen.to@ chungkhoanphuongnam.com.vn   |
| Phó phòng             | : Đặng Thị Thanh Bình | binh.dang@chungkhoanphuongnam.com.vn   |
| Chuyên viên phân tích | : Nguyễn Thị Mỹ Nga   | nga.nguyen@ chungkhoanphuongnam.com.vn |
|                       | : Lê Thị Thạch Thảo   | thao.le@chungkhoanphuongnam.com.vn     |
|                       | : Âu Gia Huệ          | hue.au@chungkhoanphuongnam.com.vn      |
|                       | : Lưu Niệm Dân        | dan.luu@chungkhoanphuongnam.com.vn     |
|                       | : Huỳnh Thị Diệu Linh | linh.huynh@chungkhoanphuongnam.com.vn  |

**LIÊN HỆ**

**Phòng Phân tích – Công ty cổ phần chứng khoán Phương Nam**

Địa chỉ: 28 – 30 – 32 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM.

Tel: (848) 62556518 – Fax: (848) 62556519

Email: info@chungkhoanphuongnam.com.vn

Website : www. Chungkhoanphuongnam.com.vn